

**CÔNG TY CỔ PHẦN KANGSAN DOOR VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KANGSAN DOOR VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KANGSAN DOOR VINA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KANGSAN DOOR VINA., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109729513

**3. Ngày thành lập:** 06/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 4, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903422611

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bằng kim loại                                                             | 2599(Chính) |
| 2.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện;                                                                                                     | 2790        |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (CPC 622)                                                     | 4690        |
| 4.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối, bán lẻ hàng hóa theo quy định của pháp luật (CPC 632)                           | 4799        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 16.212.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.621.200

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                 | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HI-ONE PLUS<br>CO.,LTD      | 15, Seonghae 1-<br>gil, Anjung-eup,<br>Pyeongtaek-si,<br>Gyeonggi-do,<br>Hàn Quốc             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 162.120       | 1.621.200.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Tổng số                            | 162.120       | 1.621.200.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | KANGSAN<br>METAL<br>CO.,LTD | 210-6,<br>Eunhaengnamu-<br>ro, Yanggam-<br>myeon,<br>Hwaseong-si,<br>Gyeonggi-do,<br>Hàn Quốc | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 648.480       | 6.484.800.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                               | Tổng số                            | 648.480       | 6.484.800.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                            |                           |         |               |        |                  |  |
|---|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 3 | VINKOREA CO.,LTD | 301, 25, Geumgok-ro 212beon-gil, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc              | Cổ phần phổ thông         | 162.120 | 1.621.200.000 | 10,000 |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Tổng số                   | 162.120 | 1.621.200.000 | 10,000 |                  |  |
| 4 | ĐẶNG NGỌC NAM    | P.7+8, nhà C4, tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 648.480 | 6.484.800.000 | 40,000 | 0370500000<br>09 |  |
|   |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                            | Tổng số                   | 648.480 | 6.484.800.000 | 40,000 |                  |  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông           | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HI-ONE PLUS CO.,LTD   | 15, Seonghae 1-gil, Anjung-eup, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc     | Cổ phần phổ thông         | 162.120    | 1.621.200.000                                                           | 10,000    |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Tổng số                   | 162.120    | 1.621.200.000                                                           | 10,000    |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          |                           |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |
| 2   | KANGSAN METAL CO.,LTD | 210-6, Eunhaengnamuro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc | Cổ phần phổ thông         | 648.480    | 6.484.800.000                                                           | 40,000    |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          | Tổng số                   | 648.480    | 6.484.800.000                                                           | 40,000    |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                          |                           |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

|   |                  |                                                                               |                           |         |               |        |  |  |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--|--|
| 3 | VINKOREA CO.,LTD | 301, 25, Geumgok-ro 212beon-gil, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc | Cổ phần phổ thông         | 162.120 | 1.621.200.000 | 10,000 |  |  |
|   |                  |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |  |  |
|   |                  |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |  |  |
|   |                  |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |  |  |
|   |                  |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |  |  |
|   |                  |                                                                               | Tổng số                   | 162.120 | 1.621.200.000 | 10,000 |  |  |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: KIL YEONGMAN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/05/1960

Dân tộc: Quốc tịch:

*Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M66776338

Ngày cấp: 28/04/2014

Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *Myeongsan hwaseong villat 101-406, 33 Pagyero 22-gil, Dong-gu, Daegu-si, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 4, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Họ và tên: ĐẶNG NGỌC NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 22/02/1950

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037050000009

Ngày cấp: 27/09/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *P.7+8, nhà C4, tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 703, tầng 7, tòa nhà Vườn Xuân 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội